

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2023/DS-PT
Ngày: 12/5/2023
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các thẩm phán: Ông Trần Bá Kha
Ông Nguyễn Như Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Trịnh Văn Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2022/QĐPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1970 (Vắng mặt tuyên án);

Chị **Hàn Thị H**, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: **ấp E Biển B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.**

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L1**, sinh năm 1974 (Vắng mặt tuyên án);

Chị **Nguyễn Thị T (T1)**, sinh năm 1975 (Vắng mặt tuyên án);

Cùng địa chỉ: **ấp E Biển A, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.**

- Người kháng cáo: Anh **Nguyễn Văn L** và chị **Hàn Thị H** - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 11 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Nguyễn Văn L**, chị **Hàn Thị H** trình bày như sau:

Vào năm 1989, anh chị tự khai khẩn sử dụng diện tích đất ngang bao nhiêu mét và dài bao nhiêu mét thì anh chị không nhớ, đến năm 2003 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích là 4.151m², anh chị có bao bờ xung quanh, vị trí: một cạnh giáp với **Kênh C Mỹ**, một cạnh giáp với đất ông **Trần Văn X**, một cạnh giáp đất anh **Nguyễn Văn L1** và chị **Nguyễn Thị T (T1)**, một cạnh giáp **Kênh Hai H1 (Kênh C, Bào H2)** anh sử dụng đến năm 2016 thì anh chị phát hiện phía anh **Nguyễn Văn L1** và chị **Nguyễn Thị T** cắm trụ đá lấn sang đất anh chị cạnh ngang giáp **Kênh C Mỹ** 4,70 mét, cạnh ngang giáp đất ông **Trần Văn X** 4,90 mét, dài mỗi cạnh là 162,10m (Đất bờ). Nay anh chị yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận diện tích đất tranh chấp 775,4m² anh **Nguyễn Văn L1** và chị **Nguyễn Thị T (T1)** trả lại cho anh chị diện tích đất lấn chiếm là 775,4m², ngang phía **Kênh C Mỹ** 4,70m, ngang phía sau hậu 4,90m x dài một cạnh là 161,54m, dài một cạnh là 162,10m, ngoài ra anh chị không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn L1 và chị Nguyễn Thị T (Thiếp) trình bày như sau:

Cha mẹ của anh, chị là ông **Nguyễn Văn L2** và bà **Bùi Thị M** tự khai khẩn sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình thống nhất cho anh chị sử dụng diện tích đất này cách nay gần 30 năm. Đến năm 2011, gia đình anh chị có tranh chấp thừa kế và được Tòa án nhân dân huyện An Biên giải quyết xong, đến năm 2015 các thành viên trong gia đình anh chị chia cho anh chị sử dụng diện tích đất nói trên và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 7.498m², khi cấp là Cơ quan Thi hành án dân sự **huyện A** do đặc giao theo Bản án của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vị trí: một cạnh giáp với **Kênh C Mỹ**, một cạnh giáp với đất ông **Trần Văn X**, một cạnh giáp đất anh **Nguyễn Văn L** và chị **Hàn Thị H**, một cạnh giáp đất ông **Nguyễn Văn M1**. Nay anh chị không đồng ý trả lại diện tích đất nói trên cho anh **Nguyễn Văn L** và chị **Hàn Thị H**, đòi với diện tích đất anh **Nguyễn Văn L** và chị **Hàn Thị H** cho rằng anh chị sử dụng lấn chiếm (Đất bờ), anh chị đã sử dụng cách nay hơn 30 năm và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã nêu trên, anh chị không yêu cầu gì khác.

Tại Công vãng số: 265/UBND-NCPC ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang có nội dung như sau:

Diện tích đất 775,4m² có các cạnh 4-3-5-6 theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang và Tờ trích đo địa chính số: ĐT144-2020 ngày 30/11/2020 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện A**, tỉnh Kiên Giang nằm trong thửa số 260, tờ bản đồ số 13 (đã điều chỉnh số tờ bản đồ 12-2) theo chứng nhận quyền sử dụng đất BY 083564 cấp cho ông **Nguyễn Văn L1** ngày 31/12/2015 và nằm trong thửa 29, tờ bản đồ 12-2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 151226 cấp cho cá nhân ông **Nguyễn Văn L** ngày 17/01/2003 nhưng ghi hộ là có sai sót. Trên sơ đồ địa chính (Sơ đồ 14 năm 1993) ghi tên **Nguyễn Văn L2** tại thửa 29, tờ bản đồ 12-2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, quyết định:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Văn L** và chị **Hàn Thị H** về việc yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất và buộc anh **Nguyễn Văn L1** và chị **Nguyễn Thị T (T1)** trả lại anh chị diện tích lấn chiếm sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp 775,4 m², tọa lạc tại: **ấp E Biển B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang**. Giữ nguyên hiện trạng quyền sử dụng đất tranh chấp cho anh **Nguyễn Văn L1** và chị **Nguyễn Thị T (T1)** tiếp tục sử dụng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí và báo quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh **Nguyễn Văn L** và chị **Hàn Thị H** yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết trả lại phần đất chiều ngang mặt trước 4,7m, chiều ngang mặt sau 4,9m, chiều dài là 161,54m và phải bồi thường 28 cây bạch đàn tròn 02 tay 03 tay, cây trâm bầu nguyên bờ, bồi thường lại số tiền đã hưởng trên mặt đất do Tòa án giải quyết phải bồi thường cho anh chị theo bảng vẽ chính CLN 03/400,3; LUK 01/7010,7; LUK 02/775,4.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự có ý kiến trình bày như sau:

Nguyên đơn anh **Nguyễn Văn L** thay đổi nội dung kháng cáo và yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo hướng chia đôi phần đất tranh chấp với bị đơn ông **Nguyễn Văn L1**, chị **Nguyễn Thị T (T1)**.

Bị đơn anh **Nguyễn Văn L1**, chị **Nguyễn Thị T (Thiếp)** yêu cầu giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương, từ khi thụ lý vụ án đến đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; Đình chỉ nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà **Hàn Thị H**.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn anh **Nguyễn văn L3**, chị **Hàn Thị H** về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 271,272,273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội

đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng cáo của nguyên đơn chị **Hàn Thị H**: Sau khi xét xử Sơ thẩm chị **H** có đơn kháng cáo nhưng Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị hợp vắng mặt không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thì coi như chị **H** đã từ bỏ việc kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của chị **Hàn Thị H**.

[2] Xét về nội dung: Nguyên đơn anh **Nguyễn Văn L** và chị **Hàn Thị H** yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 775m², buộc anh **Nguyễn Văn L1** và chị **Nguyễn Thị T** trả lại cho anh chị diện tích đất đã lấn chiếm sử dụng là 775,4m², tọa lạc tại ấp E Biên B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang và ý kiến trình bày của bị đơn anh **Nguyễn Văn L1** và chị **Nguyễn Thị T (T1)** xác định, cha mẹ của anh chị là ông **Nguyễn Văn L2** và bà **Bùi Thị M** tự khai khẩn sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình thống nhất cho anh chị sử dụng diện tích đất này cách nay gần 30 năm. Đến năm 2011, gia đình anh chị có tranh chấp thừa kế và được Tòa án nhân dân huyện An Biên giải quyết xong, đến năm 2015 các thành viên trong gia đình anh chị chia cho anh chị sử dụng diện tích đất nói trên và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Bản án của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Nay anh chị không đồng ý trả lại diện tích đất nói trên cho anh **Nguyễn Văn L** và chị **Hàn Thị H**.

Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện nguyên đơn anh **L**, chị **H** và ý kiến trình bày của bị đơn anh **L1**, chị **T** cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W 151226, tờ bản đồ 12-2, số thửa 29, diện tích 2.151m² ngày 17/01/2003 của Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp cho anh **Nguyễn Văn L**. Qua đo đạc thực tế theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Biên và Tờ trích đo địa chính số: TĐ 144-2020 ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện A, tỉnh Kiên Giang thì anh **Nguyễn Văn L** và chị **Hàn Thị H** tự xác định chỉ đo đạc diện tích đất 5.175,7m² (4.400,3m² + 775,4m²) có các cạnh như sau:

- Cạnh 9-10-6-4 giáp lộ nông thôn Kênh Chổng Mỹ ngang là 38,4m (chưa tính lộ nông thôn 02m và bờ kênh), thừa ngang 8,4m;
- Cạnh 4-3 giáp đất anh **Nguyễn Văn L1** và chị **Nguyễn Thị T** (Thiếp) dài là 161,54m;
- Cạnh 3-5-7 giáp đất ông **Trần Văn X** (Suối) ngang là 14,7m (chưa tính lộ nông thôn 02m và bờ kênh 01m), tính từ kênh Cũ thừa ngang 2,7m;
- Cạnh 7-8-9 giáp đất lộ nông thôn Kênh Cũ dài là 153,00m.

Như vậy là thừa so với diện tích đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh **Nguyễn Văn L** là 3.024,7m², trừ đi diện tích đất tranh chấp vẫn còn thừa 2.249,3m² (3.024,7m² - 775,4m²).

Anh Nguyễn Văn L1 và chị Nguyễn Thị T (T1) tự xác định chỉ đo đặc diện tích đất $8.686,1\text{m}^2$ ($7.910,7\text{m}^2 + 775,4\text{m}^2$) có các cạnh như sau:

- Cạnh 1-4-6 giáp lộ nông thôn Kênh Chổng Mỹ ngang là 55,4m (50,70m + 4,70m), thừa ngang 01m;
- Cạnh 6-5 giáp đất anh Nguyễn Văn L và chị Hàn Thị H dài là 162,10m;
- Cạnh 5-3-2 giáp đất ông Trần Văn X (Suối) ngang là 55,7m (50,80m + 4,90m), thừa ngang 0,3m;
- Cạnh 1-2 giáp đất ông Nguyễn Văn M1 dài là 151,80m.

Trừ hành lang giao thông đường thủy 09m chiều dài và chiều ngang 53,7m, theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/01/2012 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang và Tờ trích đo địa chính số TĐ27-2015 (260,261-13) ngày 07/12/2015 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện A, tỉnh Kiên Giang là phù hợp với diện tích đất anh Nguyễn Văn L1 được chia thừa kế sử dụng theo Bản án số 47/2012/DSST ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Đồng thời, vào năm 2012 bà Bùi Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp thừa kế, trong quá trình giải quyết vụ án nói trên, anh Nguyễn Văn L ủy quyền cho anh Nguyễn Văn M1 đại diện, khi đó bà Bùi Thị M và anh Nguyễn Văn M1 tự xác định chỉ đo đặc diện tích đất của anh Nguyễn Văn L từ Kênh Bào H3 (Nay là Kênh C) đo ngang đến diện tích đất anh Nguyễn Văn L1 thì diện tích đất của anh Nguyễn Văn L và chị Hàn Thị H cạnh giáp Kênh C Mỹ ngang 30m, cạnh giáp đất ông Trần Văn X (Suối) ngang 15m và cấm trụ đá sử dụng ổn định đến nay (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/01/2012 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang).

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án đến nay anh Nguyễn Văn L và chị Hàn Thị H không xác định được diện tích đất của anh chị sử dụng ngang các cạnh bao nhiêu mét, dài các cạnh bao nhiêu mét nên không có cơ sở để xem xét yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Văn L: Tại phiên tòa phúc thẩm anh L xin thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xử chia đôi $775,4\text{m}^2$ phần đất tranh chấp cho anh L được sử dụng 1/2 và bị đơn anh L1, chị T được sử dụng 1/2 nhưng anh L1, chị T không đồng ý. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm anh L cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì để chứng minh phần đất tranh chấp là của gia đình anh, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giải quyết.

Do đó, cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L và chị Hàn Thị H về việc yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất và buộc anh Nguyễn Văn L1 và chị Nguyễn Thị T (T1) trả lại anh chị diện tích lấn chiếm sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp $775,4\text{m}^2$, đất tọa lạc tại: ấp E Biển B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Giữ nguyên hiện trạng quyền sử dụng đất tranh chấp $775,4\text{m}^2$ cho anh Nguyễn Văn L1 và chị Nguyễn Thị T (Thiếp) được tiếp tục sử

dụng theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Biên và tờ Trích đo Địa chính số: TĐ 144-2020 ngày 30/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện A, tỉnh Kiên Giang, Đất được giới hạn các điểm như sau 3,5,6,4: Cạnh 3-5 giáp đất Trần Văn X1 = 4,90m; Cạnh 5-6 giáp đất Nguyễn Văn L = 162,10m; Cạnh 6-4 kênh chống Mỹ = 4,70m; Cạnh 4-3 giáp đất Trần Văn X1 = 161,54m là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích và nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Văn L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về chi phí tố tụng:

[4.1] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn anh L1, chị H không được chấp nhận nên buộc anh Nguyễn Văn L và chị Hàn Thị H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 4.039.000 đồng, anh Nguyễn Văn L và chị Hàn Thị H đã nộp xong theo Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000478 ngày 29/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện A, tỉnh Kiên Giang được quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.2.] Về chi phí định giá tài sản: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên buộc anh Nguyễn Văn L và chị Hàn Thị H phải chịu chi phí định giá tài sản là 5.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn L và chị Hàn Thị H đã nộp xong theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 00000007 ngày 09/6/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 được quy định tại khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L và chị Hàn Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận, nhưng xét thấy nguyên đơn thuộc hộ nghèo nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Văn L, chị Hàn Thị Hợp s tiền tạm ứng án phí là 600.000 đồng theo các biên lai thu số 0008215 ngày 04/12/2019 là 300.000 đồng; số 0004815 ngày 10/5/2022 là 300.000 đồng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[5.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng xét thấy nguyên đơn thuộc hộ nghèo như nhận định ở phần trên, nên nguyên đơn được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 163 và khoản 2 Điều 166 của Bộ luật dân sự; Điều 166, Điều 170, Điều 202 và Điều 203 của Luật đất đai; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh **Nguyễn Văn L**.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng cáo của bà **Hàn Thị H**.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Văn L** và chị **Hàn Thị H** về việc yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất và buộc anh **Nguyễn Văn L** và chị **Nguyễn Thị T (T1)** trả lại anh chị diện tích lấn chiếm sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp 775,4m², tọa lạc tại: **ấp E Biển B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang**.

Anh **Nguyễn Văn L** và chị **Nguyễn Thị T (Thiệp)** được sử dụng diện tích 775,4m², tọa lạc tại: **ấp E Biển B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang**, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Biên và Tờ Trích đo địa chính số: TĐ 144-2020 ngày 30/11/2020 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện A**, tỉnh Kiên Giang được giới hạn các điểm như sau 3,5,6,4:

- Cạnh 3-5 giáp đất **Trần Văn X1** = 4,90m;
- Cạnh 5-6 giáp đất **Nguyễn Văn L** = 162,10m;
- Cạnh 6-4 kênh chống Mỹ = 4,70m;
- Cạnh 4-3 giáp đất **Trần Văn X1** = 161,54m;

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của chị **Hàn Thị H**.

3. Về chi phí tố tụng:

3.1. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh **Nguyễn Văn L** và chị **Hàn Thị H** phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 4.039.000 đồng (Bốn triệu không trăm ba mươi chín nghìn đồng), anh **Nguyễn Văn L** và chị **Hàn Thị H** đã nộp xong theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000478 ngày 29/11/2021 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện A**, tỉnh Kiên Giang.

3.2. Về chi phí định giá tài sản: Anh **Nguyễn Văn L** và chị **Hàn Thị H** phải chịu chi phí định giá tài sản số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), anh **Nguyễn Văn L** và chị **Hàn Thị H** đã nộp xong theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 00000007 ngày 09/6/2022 của **Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1**.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh **Nguyễn Văn L** và chị **Hàn Thị H** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn anh **Nguyễn Văn L**, chị **Hàn Thị Hợp s** tiền tạm ứng án phí là 600.000 đồng theo các biên lai thu số 0008215 ngày 04/12/2019 là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); số 0004815 ngày 10/5/2022 là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn anh **Nguyễn Văn L** và chị **Hàn Thị H** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện An Biên;
- THA dân sự huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Nhiên